

Số: 374/QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2013.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân địa phương, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Viện trưởng VKSND tối cao (để b/c);
- Các đồng chí Phó Viện trưởng - VKSND tối cao (để phối hợp chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Cục TKTP&CNTT.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**



Hoàng Nghĩa Mai

HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CÔNG TÁC THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

(Ban hành theo Quyết định số: 374/QĐ-VKSTC ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
	I. THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ, KIỂM SÁT ĐIỀU TRA, KIỂM SÁT XÉT XỬ ÁN HÌNH SỰ			
	I. Kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố			
1	Số lần kiểm sát trực tiếp việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Số lần kiểm sát trực tiếp xong, đã ban hành kết luận, kiến nghị, kháng nghị.
2	Tỷ lệ kháng nghị ban hành đã chấp nhận thông qua hoạt động kiểm sát trực tiếp việc giải quyết tin báo tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	6 tháng và 12 tháng	Là số kháng nghị ban hành đã chấp nhận/ Tổng số kháng nghị ban hành
3	Tỷ lệ kiến nghị ban hành đã chấp nhận thông qua hoạt động kiểm sát trực tiếp việc giải quyết tin báo tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	6 tháng và 12 tháng	Là số kiến nghị ban hành đã chấp nhận/ Tổng số kiến nghị ban hành
4	Tỷ lệ tin báo tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố CQĐT đã giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình thức giải quyết. - Cơ quan điều tra (CQĐT ngược Công an, Quân đội, VKSNDTC).	6 tháng và 12 tháng	- Là số tin báo đã giải quyết/ Tổng số tin báo tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố CQĐT thụ lý - Hình thức giải quyết gồm: QĐ khởi tố, không khởi tố, xử lý hành chính do không cấu thành tội phạm, chuyển nơi khác...
5	Số tin báo tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố CQĐT chưa giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện. - Cơ quan điều tra (CQĐT ngược Công an, Quân đội, VKSNDTC).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
6	Số tin báo tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố quá hạn CQĐT chưa giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện. - Cơ quan điều tra (CQĐT ngược Công an, Quân đội, VKSNDTC).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
7	Số tin báo tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố quá hạn CQĐT đã giải quyết.	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện. - Cơ quan điều tra (CQĐT ngược Công an, Quân đội, VKSNDTC).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
8	Tỷ lệ khởi tố qua tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của CQĐT	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện.	6 tháng và 12 tháng	Số khởi tố qua tố giác, tin báo, về tội phạm và kiến nghị/ Tổng số khởi tố
	2. Giai đoạn điều tra			
	2.1. Kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can			
9	Số bị can VKS không phê chuẩn QĐ khởi tố bị can của cơ quan điều tra	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
10	Số vụ việc VKS yêu cầu CQĐT khởi tố	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
11	Số vụ án CQĐT đã khởi tố điều tra theo yêu cầu của VKS	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
12	Số người VKS yêu cầu CQĐT khởi tố bị can	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
13	Số bị can CQĐT đã khởi tố điều tra theo yêu cầu của VKS	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
14	Số vụ án VKS khởi tố yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
15	Số bị can VKS khởi tố yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
16	Số vụ án VKS yêu cầu CQĐT ra QĐ huỷ bỏ các QĐ trái pháp luật của CQĐT	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Loại quyết định.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	QĐ trái pháp luật gồm: QĐ KT VA, không KTVA; QĐ Thay đổi, bổ sung QĐ KTVA; QĐ nhập, tách VA.
17	Số vụ án CQĐT đã ra QĐ huỷ bỏ các QĐ trái pháp luật theo yêu cầu của VKS	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Loại quyết định.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	QĐ trái pháp luật gồm: QĐ KT VA, không KTVA; QĐ Thay đổi, bổ sung QĐ KTVA; QĐ nhập, tách VA.
18	Số bị can VKS yêu cầu CQĐT ra QĐ huỷ bỏ các QĐ trái pháp luật của CQĐT	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Loại quyết định.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	QĐ trái pháp luật gồm: QĐ KT BC; QĐ thay đổi, bổ sung QĐ KTBC

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
19	Số bị can CQĐT đã ra QĐ huỷ bỏ các QĐ trái pháp luật theo yêu cầu của VKS	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Loại quyết định.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	QĐ trái pháp luật gồm: QĐ KT BC; QĐ thay đổi, bổ sung QĐ KTBC
20	Số vụ án VKS yêu cầu CQĐT thay đổi, bổ sung QĐ khởi tố vụ án	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
21	Số vụ án CQĐT đã thay đổi, bổ sung QĐ khởi tố theo yêu cầu của VKS	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
22	Số bị can VKS yêu cầu CQĐT thay đổi, bổ sung QĐ khởi tố bị can	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
23	Số bị can CQĐT đã thay đổi, bổ sung QĐ khởi tố bị can theo yêu cầu của VKS	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
24	Số vụ án VKS huỷ bỏ các QĐ trái pháp luật của CQĐT	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Loại quyết định.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	QĐ huỷ bỏ QĐ trái pháp luật gồm: QĐ KT VA, không KTVA; QĐ Thay đổi, bổ sung QĐ KTVA; QĐ nhập, tách vụ án.
25	Số bị can VKS huỷ bỏ các QĐ trái pháp luật của CQĐT	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Loại quyết định.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	QĐ huỷ bỏ trái pháp luật gồm: QĐ KT BC; QĐ thay đổi, bổ sung QĐ KTBC
	2.2. Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn			
26	Số người VKS phê chuẩn lệnh bắt	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình thức bắt (Bắt khẩn cấp, bắt bị can để tạm giam).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
27	Số người VKS không phê chuẩn lệnh bắt	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình thức bắt (Bắt khẩn cấp, bắt bị can để tạm giam).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Lệnh bắt gồm: Lệnh bắt khẩn cấp, Lệnh bắt bị can để tạm giam.
28	Số người VKS phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp sau đó phải trả tự do	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
29	Số người bị bắt giữ sau đó phải trả tự do	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình thức xử lý (Xử lý hành chính, không xử lý hành chính).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
30	Số người VKS huỷ bỏ QĐ tạm giữ	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Là số người VKS huỷ bỏ QĐ tạm giữ theo khoản 3 Đ 86 BLTTHS
31	Số người, bị can VKS không phê chuẩn	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Loại quyết định (Gia hạn tạm giữ, tạm giam).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
32	Số người VKS phê chuẩn gia hạn tạm giữ nhưng sau đó phải trả tự do	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
33	Tỷ lệ bắt tạm giữ chuyển xử lý hình sự	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Là số bắt tạm giữ bị khởi tố/ Tổng số bắt tạm giữ
34	Số bị can VKS yêu cầu CQĐT bắt tạm giam	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
35	Số bị can CQĐT đã bắt tạm giam theo yêu cầu của VKS	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
36	Số bị can VKS không gia hạn tạm giam	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
37	Số bị can VKS QĐ huỷ bỏ biện pháp tạm giam	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
38	Số bị can VKS QĐ thay đổi BPNC từ tạm giam sang BPNC khác sau đó phạm tội mới hoặc bỏ trốn	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
39	Số bị can phải truy nã do không áp dụng biện pháp ngăn chặn	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
40	Số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
	2.3. Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động điều tra			
41	Số vụ án khởi tố đã kiểm sát	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Tội danh của kỳ 6 tháng, 12 tháng.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
42	Số bị can khởi tố đã kiểm sát	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Tội danh, giới tính, nhóm tuổi của kỳ 6 tháng, 12 tháng.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Là những người bị CQĐT khởi tố đã được VKS phê chuẩn
43	Số vụ án có luật sư tham gia	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
44	Tổng số vụ án thụ lý kiểm sát điều tra	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Tội danh kỳ của 6 tháng, 12 tháng.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
45	Tổng số bị can thụ lý kiểm sát điều tra	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Tội danh của kỳ 6 tháng, 12 tháng.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
46	Tổng số vụ án thụ lý kiểm sát điều tra đã giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Tội danh - Hình thức giải quyết (Đề nghị truy tố, đình chỉ), đình chỉ phân tố thêm lý do.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Hình thức giải quyết bao gồm: Đề nghị truy tố; đình chỉ.
47	Số vụ án tạm đình chỉ điều tra	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Tội danh của kỳ 6 tháng, 12 tháng.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
48	Số bị can tạm đình chỉ điều tra	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Tội danh của kỳ 6 tháng, 12 tháng.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
49	Tổng số bị can thụ lý kiểm sát điều tra đã giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Tội danh - Hình thức giải quyết (Đề nghị truy tố, đình chỉ), đình chỉ phân tố thêm lý do.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Lý do đình chỉ căn cứ vào Đ164 BLTTHS)
50	Số vụ án thụ lý kiểm sát điều tra chưa giải quyết xong	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	CQĐT chưa có QĐ giải quyết: ĐNTT, đình chỉ.
51	Số bị can thụ lý kiểm sát điều tra chưa giải quyết xong	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	CQĐT chưa có QĐ giải quyết: ĐNTT, đình chỉ.
52	Số bản kiến nghị của VKS yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động điều tra	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Bao gồm: Kiến nghị từng vụ án và kiến nghị chung
3. Giai đoạn truy tố				
53	Số vụ án mới thụ lý	- Cấp tố tụng - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
54	Số bị can mới thụ lý	- Cấp tố tụng - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
55	Tổng số vụ án thụ lý phải giải quyết	- Cấp tố tụng - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
56	Tổng số bị can thụ lý phải giải quyết	- Cấp tố tụng - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
57	Tổng số vụ án đã giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình thức giải (Truy tố, đình chỉ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
58	Tổng số bị can đã giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình thức giải quyết (Truy tố, đình chỉ), truy tố phân tổ thêm tội danh, giới tính, nhóm tuổi của kỳ 6 tháng, 12 tháng; đình chỉ phân tổ thêm lý do.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Lý do đình chỉ căn cứ vào Đ169 BLTTHS.
59	Số vụ án chưa giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
60	Số bị can chưa giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
61	Tỷ lệ số vụ án VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Lý do trả hồ sơ để ĐTBS.	6 tháng và 12 tháng	Là số vụ án VKS trả hồ sơ cho CQĐT theo Đ168 BLTTHS / Tổng số vụ kết thúc điều tra ĐNTT
62	Tỷ lệ vụ án giải quyết trong giai đoạn truy tố	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	6 tháng và 12 tháng	Là số vụ án đã giải quyết/ Tổng thụ lý
63	Tỷ lệ bị can giải quyết trong giai đoạn truy tố	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	6 tháng và 12 tháng	Là số bị can đã giải quyết/ Tổng thụ lý
4. Giai đoạn xét xử				
4.1. Thực hiện quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm hình sự				
64	Số vụ án mới thụ lý kiểm sát xét xử	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
65	Số bị can mới thụ lý kiểm sát xét xử	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
66	Tổng số vụ án VKS thụ lý kiểm sát xét xử	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Tội danh của kỳ 6 tháng, 12 tháng	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
67	Tổng số bị cáo VKS thụ lý kiểm sát xét xử	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Tội danh của kỳ 6 tháng, 12 tháng	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
68	Tổng số vụ án Tòa án đã giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Tội danh của kỳ 6 tháng, 12 tháng.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Hình thức giải quyết bao gồm: Xét xử; đình chỉ.

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỐ CHỦ YẾU	KỶ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
69	Tổng số bị can, bị cáo Tòa án đã giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Tội danh của kỳ 6 tháng, 12 tháng; - Hình thức giải quyết, đình chỉ phân tố thêm lý do.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Hình thức giải quyết bao gồm: Xét xử, đình chỉ (Lý do đình chỉ căn cứ vào Đ180 BLTTHS).
70	Số vụ án Tòa án chưa giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
71	Số bị can Tòa án chưa giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
72	Số bị cáo xét xử không tội	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Lý do xét xử không tội	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Lý do căn cứ khoản 1, 2 Đ 107 BLTTHS
73	Số bị cáo xét xử có luật sư bào chữa	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
74	Tỷ lệ số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện- - Lý do trả hồ sơ để ĐTB.S.	6 tháng và 12 tháng	Là số vụ TA trả hồ sơ để ĐTB.S theo Đ 179 BLTTHS/ Tổng số vụ đã chuyển TA để xét xử.
75	Tỷ lệ số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung không có căn cứ	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	6 tháng và 12 tháng	Là số vụ TA trả hồ sơ để ĐTB.S không có căn cứ / Tổng số vụ TA trả hồ sơ để ĐTB.S
76	Tỷ lệ rút truy tố	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	6 tháng và 12 tháng	Là tổng số bị cáo VKSt rút truy tố/ Tổng số bị cáo đã xét xử (Bao gồm: Rút 1 phần và toàn bộ; rút trước và tại phiên tòa.
77	Số bản kiến nghị của VKS yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động xét xử	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
78	Số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức và đơn vị hữu quan đề nghị áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Phải có bản kiến nghị riêng đề nghị cơ quan, tổ chức áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
	4.2. Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm			
79	Số vụ án VKS kháng nghị đối với BA, QĐ của Tòa án cùng cấp	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
80	Số bị cáo VKS kháng nghị đối với BA, QĐ của Tòa án cùng cấp	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
81	Số vụ án VKS cấp trên trực tiếp kháng nghị đối với BA, QĐ của Tòa án cấp dưới	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
82	Số bị cáo VKS cấp trên trực tiếp kháng nghị đối với BA, QĐ của Tòa án cấp dưới	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
83	Số vụ án VKS mới thụ lý kiểm sát xét xử	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
84	Số bị cáo VKS mới thụ lý kiểm sát xét xử	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
85	Tổng số vụ án VKS thụ lý kiểm sát xét xử	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
86	Tổng số bị cáo VKS thụ lý kiểm sát xét xử	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
87	Tổng số vụ án Tòa án đã giải quyết	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Hình thức giải quyết (Xét xử, đình chỉ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
88	Tổng số bị cáo Tòa án đã giải quyết	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Hình thức giải quyết (Xét xử, đình chỉ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
89	Số vụ án Tòa án chưa giải quyết	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
90	Số bị cáo Tòa án chưa giải quyết	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
91	Số bị cáo Tòa án không chấp nhận KC, KN và giữ nguyên bản án sơ thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
92	Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
93	Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng kháng nghị của VKS	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
94	Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
95	Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án theo hướng kháng nghị của VKS	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
96	Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
97	Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án theo hướng kháng nghị của VKS	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
98	Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
99	Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án theo hướng kháng nghị của VKS	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
100	Tỷ lệ chấp nhận kháng nghị	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm.	6 tháng và 12 tháng	Là số KN được chấp nhận/ Tổng số kháng nghị đã XX
101	Tỷ lệ rút kháng nghị	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	6 tháng và 12 tháng	Là số vụ VKS rút kháng nghị phúc thẩm/ Tổng số vụ kháng nghị phúc thẩm

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
102	Số bản thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
103	Số bản kiến nghị của VKS yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động điều tra, xét xử	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Cơ quan (CQĐT, TA)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
	4.3. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc xét lại BA và QĐ đã có HLPL theo thủ tục giám đốc thẩm			
104	Số vụ án VKS kháng nghị giám đốc thẩm đối với BA, QĐ của Tòa án	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
105	Số bị cáo VKS kháng nghị giám đốc thẩm đối với BA, QĐ của Tòa án	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
106	Số vụ án VKS mới thụ lý kiểm sát xét xử	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
107	Số bị cáo VKS mới thụ lý kiểm sát xét xử	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
108	Tổng số vụ án VKS thụ lý kiểm sát xét xử giám đốc thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
109	Tổng số bị cáo VKS thụ lý kiểm sát xét xử giám đốc thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
110	Số vụ án Tòa án đã giám đốc thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
111	Số bị cáo Tòa án đã giám đốc thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3 - Kết quả giải quyết (Không chấp nhận KN và giữ nguyên BA hoặc QĐ đã có HLPL; Huỷ BA hoặc QĐ đã có HLPL và đình chỉ VA; Huỷ BA hoặc QĐ đã có HLPL để điều tra lại hoặc XX lại).C200	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
112	Số vụ án Tòa án chưa giám đốc thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
113	Số bị cáo Tòa án chưa giám đốc thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
114	Tỷ lệ chấp nhận kháng nghị của VKS	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	6 tháng và 12 tháng	Là số KN được chấp nhận/ Tổng số kháng nghị của VKS đã xét xử.
115	Số bản kiến nghị của VKS với Tòa án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động xét xử	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
	4.4. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc xét lại BA và QĐ đã có HLPL theo thủ tục tái thẩm			
116	Số vụ án VKS kháng nghị tái thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
117	Số bị cáo VKS kháng nghị tái thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
118	Số vụ án VKS mới thụ lý kiểm sát xét xử	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
119	Số bị cáo VKS mới thụ lý kiểm sát xét xử	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
120	Tổng số vụ án VKS thụ lý kiểm sát tái thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
121	Tổng số bị cáo VKS thụ lý kiểm sát tái thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
122	Số vụ án Tòa án đã giải quyết theo thủ tục tái thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3 - Kết quả giải quyết (Không chấp nhận KN và giữ nguyên BA hoặc QĐ đã có HLPL; Huỷ BA hoặc QĐ bị KN để điều tra lại hoặc XX lại; Huỷ BA hoặc QĐ bị KN và đình chỉ VA)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
123	Số bị cáo Tòa án đã giải quyết theo thủ tục tái thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3 - Kết quả giải quyết (Không chấp nhận KN và giữ nguyên BA hoặc QĐ đã có HLPL; Huỷ BA hoặc QĐ bị KN để điều tra lại hoặc XX lại; Huỷ BA hoặc QĐ bị KN và đình chỉ VA).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
124	Tỷ lệ chấp nhận kháng nghị của VKS	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3;	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Là số KN được chấp nhận/ Tổng số kháng nghị của VKS đã xét xử.
125	Số vụ án Tòa án chưa giải quyết theo thủ tục tái thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
126	Số bị cáo Toà án chưa giải quyết theo thủ tục tái thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
127	Số bản kiến nghị của VKS với Toà án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động xét xử	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 3	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
	II. KIỂM SÁT TẠM GIỮ, TẠM GIAM VÀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ			
	1. Kiểm sát tạm giữ, tạm giam			
128	Số người mới tạm giữ	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
129	Tổng số tạm giữ	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
130	Số người đã giải quyết	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình thức giải quyết (Chuyển tạm giam, trả tự do)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
131	Số người tạm giữ chết	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Nguyên nhân chết (bệnh lý, tự sát, nguyên nhân khác).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
132	Số người tạm giữ trốn	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
133	Số người còn đang tạm giữ	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
134	Số người quá hạn tạm giữ	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
135	Số người mới tạm giam	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
136	Tổng số tạm giam	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
137	Số bị can đã giải quyết	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình thức giải quyết (Huỷ bỏ tạm giam, thay đổi biện pháp ngăn chặn khác, trả tự do...).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
138	Số bị can tạm giam chết	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Nguyên nhân chết (bệnh lý, tự sát, nguyên nhân khác).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
139	Số bị can tạm giam trốn	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
140	Số bị can còn đang tạm giam	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
141	Số người quá hạn tạm giam	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Cơ quan (CQĐT, VKS, TA).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỬ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
142	Số lần kiểm sát Nhà tạm giữ, Trại tạm giam	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình thức kiểm sát (thường hý, đột xuất).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Đã ban hành kết luận, kiến nghị, kháng nghị.
143	Tỷ lệ kháng nghị ban hành thông qua hoạt động kiểm sát Nhà tạm giữ, Trại tạm giam đã chấp nhận	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	6 tháng và 12 tháng	Là số kháng nghị ban hành đã chấp nhận/ Tổng số kháng nghị ban hành
144	Tỷ lệ kiến nghị ban hành thông qua hoạt động kiểm sát Nhà tạm giữ, Trại tạm giam đã chấp nhận	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	6 tháng và 12 tháng	Là số kiến nghị ban hành đã chấp nhận/ Tổng số kiến nghị ban hành
145	Số lần phúc tra việc thực hiện kháng nghị	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
146	Số người VKS yêu cầu CQĐT khởi tố thông qua hoạt động kiểm sát Nhà tạm giữ, Trại tạm giam	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
147	Tỷ lệ khởi tố	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	6 tháng và 12 tháng	CQĐT đã khởi tố/ Yêu cầu khởi tố của VKS
148	Số người VKS khởi tố thông qua hoạt động kiểm sát Nhà tạm giữ, Trại tạm giam	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
2. Kiểm sát thi hành án hình sự				
149	Số mới phải thi hành án	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình phạt (Cảnh cáo, cải tạo không GG, án treo, trục xuất..., tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
150	Tổng số phải thi hành án	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình phạt (Cảnh cáo, cải tạo không GG, án treo, trục xuất..., tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
151	Số hồ sơ, quyết định thi hành án đã kiểm sát	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Theo cơ quan ban hành	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
152	Số đã thi hành xong	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình phạt (Cảnh cáo, cải tạo không GG, án treo, trục xuất..., tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
153	Số đang thi hành	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình phạt (Cảnh cáo, cải tạo không GG, án treo, trục xuất..., tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình). - Nơi chấp hành (Trại giam, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ...).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
154	Số chết	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Nguyên nhân chết (bệnh lý, tự sát, nguyên nhân khác).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
155	Số trốn	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
156	Số tạm đình chỉ chấp hành án	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình phạt (Cảnh cáo, cải tạo không GG, án treo, trục xuất..., tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
157	Số đình chỉ chấp hành án	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình phạt (Cảnh cáo, cải tạo không GG, án treo, trục xuất..., tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
158	Số còn lại chưa thi hành	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình phạt (Cảnh cáo, cải tạo không GG, án treo, trục xuất..., tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
159	Số phạm nhân VKS trả tự do theo K1 Đ28 Luật TCVKS và K3 Đ141 Luật THAHS.	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Hình phạt (Cảnh cáo, cải tạo không GG, án treo, trục xuất..., tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
160	Số văn bản VKS yêu cầu Tòa án ra QĐ thi hành án	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
161	Số văn bản VKS yêu cầu tự kiểm tra; cung cấp hồ sơ, tài liệu	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Cơ quan (Tòa án, Cơ quan THA HS và cơ quan có liên quan).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
162	Tỷ lệ kháng nghị ban hành thông qua hoạt động kiểm sát đã chấp nhận	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Theo cơ quan (Tòa án, Cơ quan THA HS và cơ quan có liên quan)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Là số kháng nghị ban hành đã chấp nhận/ Tổng số kháng nghị ban hành
163	Tỷ lệ kiến nghị ban hành thông qua hoạt động kiểm sát đã chấp nhận	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Theo cơ quan (Tòa án, Cơ quan THA HS và cơ quan có liên quan)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Là số kiến nghị ban hành đã chấp nhận/ Tổng số kiến nghị ban hành
164	Số lần kiểm sát tại các cơ quan thi hành án hình sự	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Các cơ quan THAHS (Cơ quan THAHS; Trại giam, Trại tạm giam và UBND cấp xã).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
165	Tỷ lệ kháng nghị ban hành qua hoạt động kiểm sát tại các cơ quan THA hình sự đã chấp nhận	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Các cơ quan THAHS (Cơ quan THAHS; Trại giam, Trại tạm giam và UBND cấp xã).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Là số kháng nghị ban hành đã chấp nhận/ Tổng số kháng nghị ban hành
166	Tỷ lệ kiến nghị ban hành qua hoạt động kiểm sát tại các cơ quan THA hình sự đã chấp nhận	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện - Cơ quan THAHS (Cơ quan THAHS; Trại giam, Trại tạm giam và UBND cấp xã).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Là số kiến nghị ban hành đã chấp nhận/ Tổng số kiến nghị ban hành
167	Số người VKS yêu cầu CQĐT khởi tố thông qua hoạt động kiểm sát thi hành án	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
168	Tỷ lệ khởi tố	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	6 tháng và 12 tháng	Là số vụ án CQĐT đã khởi tố/Yêu cầu khởi tố của VKS

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
169	Số bị can VKS khởi tố thông qua hoạt động kiểm sát thi hành án hình sự	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	6 tháng và 12 tháng	Là số bị can mà VKS đã khởi tố và yêu cầu CQĐT điều tra
	III. CÔNG TÁC ĐIỀU TRA CỦA CƠ QUAN ĐIỀU TRA VIỆN KIỂM SÁT			
170	Số vụ án mới khởi tố	- Cơ quan có cán bộ vi phạm (CA, VKS, TA, THA và cơ quan khác) (CA, VKS, TA, THA và cơ quan khác)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
171	Số bị can mới khởi tố	- Cơ quan có cán bộ vi phạm (CA, VKS, TA, THA và cơ quan khác)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
172	Tổng số vụ án phải giải quyết	- Cơ quan có cán bộ vi phạm (CA, VKS, TA, THA và cơ quan khác) - Tội danh	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
173	Tổng số bị can phải giải quyết	- Cơ quan có cán bộ vi phạm (CA, VKS, TA, THA và cơ quan khác) - Tội danh	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
174	Số vụ án đã giải quyết	- Hình thức giải quyết (Đề nghị truy tố, đình chỉ)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
175	Số bị can đã giải quyết	- Hình thức giải quyết (Đề nghị truy tố, đình chỉ)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
176	Số vụ án chưa giải quyết		Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
177	Số bị can chưa giải quyết		Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
178	Số bản kiến nghị xử lý và phòng ngừa vi phạm pháp luật		Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
	IV. KIỂM SÁT GIẢI QUYẾT ÁN DÂN SỰ, HNGĐ, KDTM, LĐ			
	1. Kiểm sát giải quyết theo thủ tục xét xử sơ thẩm			
179	Số vụ, việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ). - Một số loại tranh chấp, yêu cầu cụ thể.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
180	Số vụ, việc Toà án vi phạm thời hạn gửi thông báo thụ lý cho VKS	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
181	Tổng số vụ, việc VKS thụ lý	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
182	Số vụ, việc VKS có văn bản yêu cầu cá nhân, cơ quan ... cung cấp chứng cứ	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
183	Số vụ, việc VKS đã kiểm sát việc giải quyết của Tòa án	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
184	Số vụ, việc Tòa án đã xét xử (hoặc đã mở phiên họp đối với việc)	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
185	Số vụ, việc có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa (hoặc tham gia phiên họp)	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
186	Số bản án, QĐ Tòa án gửi cho VKS không đúng hạn	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
187	Số bản án, quyết định VKS đã kiểm sát	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
188	Số bản án, QĐ VKS phát hiện có vi phạm	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
189	Số vụ VKS kháng nghị phúc thẩm (kháng nghị cùng cấp)	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
190	Số vụ, việc đề nghị VKS cấp trên kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
191	Số vụ, việc VKS báo cáo kháng nghị theo thủ tục GĐT	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
192	Tỷ lệ số vụ, việc VKS kháng nghị phúc thẩm so với tổng số vụ, việc Tòa án đã XX	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
193	Tổng số vụ, việc Tòa án ra QĐ TĐC tính đến cuối kỳ thống kê	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
194	Số vụ, việc còn lại chưa giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
195	Số còn lại đã quá hạn luật định	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
196	Số vụ, việc VKS kiến nghị với Tòa án về QĐ áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ BPKCTT trong quá trình giải quyết vụ án	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
197	Số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án về những vi phạm trong tố tụng dân sự	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
198	Số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan hỗ trợ tư pháp và các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát vụ án DS, HNGĐ, KD, TM, LĐ	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
	2. Kiểm sát giải quyết theo thủ tục xét xử phúc thẩm			
199	Số vụ, việc VKS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, QĐ của Tòa án cấp dưới (Kháng nghị trên một cấp)	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
200	Số vụ, việc VKS mới thụ lý	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
201	Tổng số vụ, việc VKS đã thụ lý	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
202	Số vụ, việc VKS có văn bản yêu cầu cá nhân, cơ quan ... cung cấp chứng cứ	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
203	Số vụ, việc VKS rút kháng nghị	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
204	Số vụ, việc VKS đã kiểm sát việc giải quyết của Tòa án	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
205	Số vụ, việc có QĐ đình chỉ xét xử	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
206	Số vụ, việc Tòa án đã xét xử (hoặc đã mở phiên họp)	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
207	Tỷ lệ số vụ, việc TA chấp nhận kháng nghị của VKS so với tổng số vụ, việc VKS kháng nghị và Tòa án đã XX	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
208	Số vụ, việc Tòa án giữ nguyên bản án, QĐ sơ thẩm	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
209	Số vụ, việc Tòa án sửa bản án, QĐ sơ thẩm	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
210	Số vụ, việc Tòa án sửa bản án sơ thẩm do sự thỏa thuận của đương sự ...	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
211	Số vụ, việc Tòa án hủy bản án, QĐ sơ thẩm ... và chuyển hồ sơ vụ án cho TA cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
212	Số vụ, việc Tòa án hủy bản án sơ thẩm và ĐC việc giải quyết vụ án	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Khoản 4, Đ 275 BLTTDS

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
213	Số vụ việc Tòa án hủy bản án sơ thẩm và ĐC việc giải quyết vụ án do nguyên đơn rút đơn khởi kiện	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Điều 269 BLTTDS
214	Số bản án, QĐ Tòa án gửi cho VKS không đúng hạn	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
215	Số bản án, quyết định VKS đã kiểm sát	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
216	Số bản án, QĐ VKS phát hiện có vi phạm	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
217	Số vụ, việc báo cáo VKS cấp trên kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
218	Tổng số vụ, việc Tòa án ra QĐ TĐC tính đến cuối kỳ thống kê	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
219	Số vụ, việc còn lại chưa giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
220	Số còn lại đã quá hạn luật định	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
221	Số vụ, việc VKS kiến nghị với Toà án về QĐ áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ BPKCTT trong quá trình giải quyết vụ án	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
222	Số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án về những vi phạm trong tố tụng dân sự	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
223	Số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan hỗ trợ tư pháp và các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát vụ án DS, HNGĐ, KD, TM, LĐ	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
	3. Kiểm sát giải quyết theo thủ tục xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm			
224	Số vụ, việc VKS mới thụ lý	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12; - Loại án (dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ); - Một số loại tranh chấp, yêu cầu cụ thể.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
225	Tổng số vụ, việc VKS đã thụ lý	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12 - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
226	Số vụ, việc VKS có văn bản yêu cầu cá nhân, cơ quan ... cung cấp chứng cứ	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12 - Loại án (dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
227	Tổng số vụ, việc VKS đã giải quyết trong kỳ thống kê	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
228	Số vụ, việc VKS kháng nghị trong kỳ thống kê	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
229	Số vụ, việc VKS rút kháng nghị	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
230	Số vụ, việc HĐXX GĐT, TT đã xét xử GĐT, TT	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12; - Loại án (dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
231	Tỷ lệ số vụ, việc TA chấp nhận kháng nghị của VKS so với tổng số vụ, việc VKS kháng nghị và Tòa án đã XX	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
232	Số vụ, việc HĐXX GĐT, TT không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên BA, QĐ của TA đã có HLPL	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Khoản 1 Đ 297, 298 BLTTDS
233	Số vụ, việc HĐXX GĐT, TT hủy bản án, QĐ của Tòa án đã có HLPL và xử giữ nguyên BA, QĐ đúng PL của TA cấp dưới đã bị hủy hoặc bị sửa	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Khoản 2 Đ 297, 298 BLTTDS
234	Số vụ, việc HĐXX GĐT, TT xử hủy một phần hoặc toàn bộ BA, QĐ của Tòa án đã có HLPL để xét xử sơ thẩm lại hoặc phúc thẩm lại	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Khoản 3 Đ 297, 298 BLTTDS
235	Số vụ, việc HĐXX GĐT, TT hủy BA, QĐ của TA đã XX vụ án và đình chỉ giải quyết vụ án	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Khoản 4 Đ 297, 298 BLTTDS
236	Số vụ, việc còn lại ở VKS chưa giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	VKS đã thụ lý nhưng chưa trả lời khiếu nại của đương sự và các cơ quan tổ chức khác

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
237	Số vụ, việc VKS kiến nghị với Toà án về QĐ áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ BPKCTT trong quá trình giải quyết vụ án	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
238	Số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án về những vi phạm trong tố tụng dân sự	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 5, Vụ 12; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
239	Số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan hỗ trợ tư pháp và các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát vụ án DS, HNGĐ, KD, TM, LĐ	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (Dân sự, HNGĐ, KDTM, LĐ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
V. KIỂM SÁT GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH				
1. Kiểm sát giải quyết theo thủ tục xét xử sơ thẩm				
240	Số vụ án VKS mới thụ lý trong kỳ thống kê	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Một số loại khiếu kiện cụ thể.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
241	Số bản VKS kiến nghị UBND cấp xã cử người giám hộ đứng ra khởi kiện vụ án hành chính	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	VKS thực hiện quyền kiến nghị đến UBND cấp xã nơi người chưa thành niên, mất năng lực hành vi dân sự đứng ra khởi kiện vụ án hành chính quy định tại K3 Đ24 Luật TT hành chính.
242	Số vụ án Tòa án chậm gửi thông báo cho VKS	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
243	Số vụ án VKS yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
244	Số vụ án VKS có văn bản y/c cá nhân, cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ cung cấp chứng cứ	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
245	Tổng số vụ án VKS thụ lý kiểm sát theo thủ tục sơ thẩm	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
246	Số vụ án VKS đã kiểm sát việc giải quyết của Tòa án	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
247	Số vụ án Tòa án đã đưa ra xét xử	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
248	Số vụ án HĐXX bác yêu cầu khởi kiện	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
249	Số vụ án HĐXX chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
250	Số bản án, QĐ Toà án gửi cho VKS không đúng hạn	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
251	Số bản án, quyết định VKS đã kiểm sát	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
252	Số bản án, QĐ VKS phát hiện có vi phạm	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
253	Số vụ án VKS kháng nghị phúc thẩm (kháng nghị cùng cấp)	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỬ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
254	Số vụ án đề nghị VKS cấp trên kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
255	Số vụ án VKS báo cáo kháng nghị theo thủ tục GĐT	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
256	Tỷ lệ số vụ án VKS kháng nghị phúc thẩm so với tổng số vụ án Tòa án đã XX	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
257	Tổng số vụ án Tòa án ra QĐ TĐC tính đến cuối kỳ thống kê	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
258	Số vụ án còn lại chưa giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
259	Số vụ án còn lại đã quá hạn luật định	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
260	Số vụ án VKS kiến nghị với Tòa án về QĐ áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPKCTT trong quá trình giải quyết vụ án	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
261	Số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án về những vi phạm trong tố tụng hành chính	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
262	Số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan hỗ trợ tư pháp và các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát vụ án hành chính	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
2 Kiểm sát giải quyết theo thủ tục xét xử phúc thẩm				
263	Số vụ án VKS kháng nghị đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới (kháng nghị trên một cấp)	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
264	Số vụ án VKS mới thụ lý trong kỳ thống kê	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm; - Một số loại khiếu kiện cụ thể	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
265	Số vụ án VKS yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
266	Số vụ án VKS có văn bản yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ cung cấp chứng cứ	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
267	Số vụ án VKS tự mình thu thập hồ sơ tài liệu, vật chứng	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
268	Số vụ án VKS rút kháng nghị	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
269	Tổng số vụ án VKS thụ lý kiểm sát theo thủ tục phúc thẩm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
270	Số vụ án VKS đã kiểm sát việc giải quyết của Tòa án	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
271	Số vụ án Tòa án đã xét xử (hoặc đã mở phiên họp xét kháng cáo, kháng nghị những quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm).	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
272	Tỷ lệ số vụ án TA chấp nhận kháng nghị của VKS so với tổng số vụ án VKS kháng nghị và Tòa án đã XX	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
273	Số vụ án Tòa xử y án sơ thẩm (hoặc giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm)	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
274	Số vụ án Tòa sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm (hoặc sửa quyết định của Tòa án cấp ST)	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
275	Số vụ Tòa hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp ST xét xử lại (hoặc hủy quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm...)	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
276	Số vụ án VKS có kháng nghị theo hướng hủy án	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Nằm trong số mà Tòa án đã hủy án
277	Số vụ án Tòa hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
278	Số vụ án Tòa đình chỉ việc giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
279	Số bản án, QĐ Toà án gửi cho VKS không đúng hạn	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
280	Số bản án, quyết định VKS đã kiểm sát	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
281	Số bản án, quyết định VKS phát hiện có vi phạm	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
282	Số vụ án báo cáo VKS cấp trên kháng nghị GĐT, TT	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
283	Tổng số vụ án Toà án ra QĐ tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
284	Số vụ án còn lại chưa giải quyết	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
285	Số quá hạn luật định	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
286	Số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án về những vi phạm trong tố tụng hành chính	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
287	Số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan hỗ trợ tư pháp và các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát vụ án hành chính	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
	3. Kiểm sát giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm			
288	Số vụ án VKS mới thụ lý trong kỳ thống kê	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12; - Một số loại khiếu kiện cụ thể.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
289	Tổng số vụ án VKS thụ lý kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
290	Số vụ án VKS yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
291	Số vụ án VKS có văn bản y/c cá nhân, cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ cung cấp chứng cứ	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
292	Số vụ án VKS tự mình thu thập hồ sơ tài liệu, vật chứng	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
293	Tổng số vụ án VKS đã giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
294	Số vụ án VKS kháng nghị GĐT, TT trong kỳ thống kê	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
295	Số vụ án VKS rút kháng nghị	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
296	Số vụ án HĐXX đã giám đốc thẩm, tái thẩm	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
297	Tỷ lệ số vụ án TA chấp nhận kháng nghị của VKS so với tổng số vụ án VKS kháng nghị và Tòa án đã XX	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
298	Số vụ án HĐ GĐT, TT không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực PL	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
299	Số vụ án HĐ GĐT, TT hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp dưới đã bị hủy hoặc bị sửa.	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
300	Số vụ án Hội đồng GĐT, TT hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực PL bị kháng nghị để XX sơ thẩm hoặc phúc thẩm lại	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
301	Số vụ án Hội đồng GĐT, TT hủy bản án, quyết định của Tòa án đã giải quyết vụ án và đình chỉ việc giải quyết vụ án	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
302	Số vụ án còn lại chưa giải quyết	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
303	Số vụ án còn lại đã quá hạn luật định	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
304	Số bản kiến nghị của VKS đối với Toà án về những vi phạm trong tố tụng hành chính	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
305	Số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan hỗ trợ tư pháp và các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát vụ án hành chính	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, Vụ 12	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
VI. CHỈ TIÊU THỐNG KÊ VIỆC TIẾP NHẬN, PHÂN LOẠI XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI TỔ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN CỦA VKS VÀ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT KNTC CỦA CÁC CƠ QUAN TƯ PHÁP				
1. Kết quả tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn				
306	Số đơn mới tiếp nhận trong kỳ	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Một số loại đơn (khiếu nại, tố cáo, yêu cầu bồi thường...)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
307	Tổng số đơn phải phân loại xử lý	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
308	Tổng số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của VKS	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
309	Tổng số đơn VKS kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan tư pháp	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan (CQĐT, Toà án, Cơ quan thi hành án)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
310	Số đơn còn lại chưa phân loại xử lý	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
311	Số lượt tiếp công dân	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
312	Số lượt Lãnh đạo Viện tiếp công dân	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỬ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
	2. Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát			
313	Số đơn mới	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại đơn (khiếu nại, tố cáo, đơn y/c kháng nghị GĐT, TT, đơn y/c bồi thường thiệt hại...)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
314	Số việc mới	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại việc (khiếu nại, tố cáo, việc y/c kháng nghị GĐT, TT, việc y/c bồi thường thiệt hại).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
315	Số đơn do cơ quan Đảng, Nhà nước ... chuyển đến	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại đơn (khiếu nại, tố cáo, đơn y/c kháng nghị GĐT, TT, đơn y/c bồi thường thiệt hại...)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
316	Số việc do cơ quan Đảng, Nhà nước... chuyển đến	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại việc (khiếu nại, tố cáo, việc y/c kháng nghị GĐT, TT, việc y/c bồi thường thiệt hại).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
317	Tổng số đơn đã thụ lý	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Từng loại đơn khiếu nại, tố cáo, đơn y/c kháng nghị GĐT, TT, đơn y/c bồi thường thiệt hại.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
318	Tổng số việc đã thụ lý	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại việc (khiếu nại, tố cáo, việc y/c kháng nghị GĐT, TT, việc y/c bồi thường thiệt hại).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
319	Tổng số đơn do cơ quan Đảng, Nhà nước... chuyển đến	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại đơn (khiếu nại, tố cáo, đơn y/c kháng nghị GĐT, TT, đơn y/c bồi thường thiệt hại...)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
320	Tổng số việc do cơ quan Đảng, Nhà nước... chuyển đến	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại việc (khiếu nại, tố cáo, việc y/c kháng nghị GĐT, TT, việc y/c bồi thường thiệt hại).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
321	Tổng số đơn đã giải quyết	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại đơn (khiếu nại, tố cáo, đơn y/c kháng nghị GĐT, TT, đơn y/c bồi thường thiệt hại...)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
322	Tổng số việc đã giải quyết	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại việc (khiếu nại, tố cáo, việc y/c kháng nghị GĐT, TT, việc y/c bồi thường thiệt hại).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
323	Tổng số đơn do cơ quan Đảng, Nhà nước... chuyển đến đã giải quyết:	- Cấp tổ tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại đơn (khiếu nại, tố cáo, đơn y/c kháng nghị GĐT, TT, đơn y/c bồi thường thiệt hại...)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
324	Tổng số việc do cơ quan Đảng, Nhà nước... chuyển đến đã giải quyết	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại việc (khiếu nại, tố cáo, việc y/c kháng nghị GĐT, TT, việc y/c bồi thường thiệt hại).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
325	Số khiếu nại đúng	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại việc khiếu nại;	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
326	Số khiếu nại không đúng	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại việc khiếu nại.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
327	Giải quyết khiếu nại bằng hình thức trả lời hoặc ra QĐ giải quyết	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại việc khiếu nại;	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
328	Giải quyết khiếu nại bằng hình thức kháng nghị	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại án (hình sự, dân sự, hành chính...)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
329	Giải quyết tố cáo bằng hình thức khởi tố vụ án hình sự	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại việc tố cáo.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
330	Giải quyết tố cáo bằng hình thức xử phạt hành chính	- Cấp tố tụng; - Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Từng loại việc tố cáo;	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
331	Số đơn còn lại chưa giải quyết	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại đơn (khiếu nại, tố cáo, đơn y/c kháng nghị GĐT, TT, đơn y/c bồi thường thiệt hại...)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
332	Số việc còn lại chưa giải quyết	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại việc (khiếu nại, tố cáo, việc y/c kháng nghị GĐT, TT, việc yêu cầu bồi thường thiệt hại).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
333	Số đơn còn lại đã quá hạn luật định	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại đơn (khiếu nại, tố cáo, đơn y/c kháng nghị GĐT, TT, đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại...)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
334	Số việc còn lại đã quá hạn luật định	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại việc (khiếu nại, tố cáo, việc y/c kháng nghị GĐT, TT, việc y/c bồi thường thiệt hại).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
	3. Kiểm sát việc giải quyết KNTC của các Cơ quan tư pháp			
335	Số lần VKS trực tiếp kiểm sát	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan (CQĐT, Tòa án, Cơ quan thi hành án)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Đã có bản kết luận
336	Số lần VKS yêu cầu các cơ quan tư pháp ra văn bản giải quyết KN, TC	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan (CQĐT, Tòa án, Cơ quan thi hành án)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
337	Số lần VKS yêu cầu các cơ quan tư pháp tự kiểm tra, kiểm tra cấp dưới	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan (CQĐT, Tòa án, Cơ quan thi hành án)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
338	Số lần các cơ quan tư pháp đã hoàn thành kiểm tra và báo cáo kết quả cho VKS	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan (CQĐT, Tòa án, Cơ quan thi hành án)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
339	Số văn bản của VKS y/c các cơ quan tư pháp cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo cho VKS	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan (CQĐT, Tòa án, Cơ quan thi hành án)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
340	Số bản kiến nghị của VKS đã ban hành	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan (CQĐT, Tòa án, Cơ quan thi hành án)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
341	Số bản kháng nghị của VKS đã ban hành	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan (CQĐT, Tòa án, Cơ quan thi hành án)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
342	Số bản kháng nghị của VKS được chấp nhận	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan (CQĐT, Tòa án, Cơ quan thi hành án)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
	VII. KIỂM SÁT GIẢI QUYẾT YÊU CẦU TUYÊN BỐ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP			
343	Số việc mới	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
344	Tổng số việc Tòa án quyết định mở thủ tục tuyên bố phá sản	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
345	Số việc Tòa án đã giải quyết	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW - Loại QĐ giải quyết (Phục hồi hoạt động kinh doanh, thanh lý tài sản, tuyên bố phá sản, đình chỉ).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
346	Số việc VKS kháng nghị	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
347	Số kháng nghị của VKS được Tòa án chấp nhận	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
348	Số kiến nghị của VKS về những vi phạm PL trong quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
	VIII. KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ			
349	Số mới	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Số việc, số tiền.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Bao gồm cả số việc nhận uỷ thác quy định tại Đ 55, 57 Luật THADS
350	Tổng số thụ lý	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Số việc, số tiền.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
351	Số uỷ thác đi	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Số việc, số tiền.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
352	Số thu hồi, huỷ bỏ QĐ	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Số việc, số tiền.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
353	Tổng số phải thi hành	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Số việc, số tiền.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
354	Số kết thúc thi hành án	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Hình thức kết thúc THA (Đã thi hành xong, đình chỉ, trả đơn yêu cầu); - Số việc, số tiền.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	Điều 52 Luật THADS
355	Số tạm đình chỉ THA	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Số việc, số tiền.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
356	Số hoãn	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Số việc, số tiền.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
357	Số miễn thi hành án	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Số việc, số tiền.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
358	Số còn phải thi hành	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Số việc, số tiền.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
359	Số việc VKS yêu cầu cơ quan THA ra các QĐ về THA	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Loại QĐ (QĐ THA, Hoãn THA, TĐC THA, ĐC THA, trả đơn, xét miễn giảm tiền phạt án phí...)	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
360	Số việc VKS kiểm sát việc kê biên, cưỡng chế, định giá, tiêu huỷ vật chứng ...	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện;	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	

STT	NHÓM, TÊN CHỈ TIÊU	PHÂN TỔ CHỦ YẾU	KỲ CÔNG BỐ	GHI CHÚ
361	Số bản yêu cầu CQTHA tự kiểm tra, cung cấp tài liệu ...	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan THADS (cùng cấp và cấp dưới).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
362	Số cuộc kiểm sát trực tiếp cơ quan THADS và cơ quan có liên quan	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan (THADS cùng cấp, cấp dưới và cơ quan có liên quan).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
363	Số bản kiến nghị	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan (THADS cùng cấp, cấp dưới và cơ quan có liên quan).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
364	Số bản kháng nghị	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan (THADS cùng cấp, cấp dưới và cơ quan có liên quan).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
365	Tỷ lệ kiến nghị được chấp nhận	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan (THADS cùng cấp, cấp dưới và cơ quan có liên quan).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
366	Tỷ lệ kháng nghị được chấp nhận	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Cơ quan (THADS cùng cấp, cấp dưới và cơ quan có liên quan).	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
367	Số QĐ về thi hành án VKS đã kiểm sát	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
368	Số QĐ về thi hành án đã phát hiện có vi phạm	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	
369	Số người VKS yêu cầu xử lý	- Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận, huyện; - Khởi tố hình sự; - Xử lý kỷ luật; - Xử lý hành chính.	Tháng, 6 tháng và 12 tháng	